TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2021/HSST.
Ngày: 07/10/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG -TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán, Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Tư.
2. Bà Vương Thị Hội.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông V Hữu Huyền - Kiểm sát viên (KSV).

Ngày 07/10/2021, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2021/HS-ST ngày 25/8/2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Thanh V, sinh năm 1977 tại: Kbang, Gia Lai; hộ khẩu thường trú (HKTT): Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Đặng Thanh B và bà Lê Thị T; bị giam giữ từ ngày 09/6/2021 đến ngày 12/8/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn P, sinh năm 1988 tại: Kbang, Gia Lai; HKTT: Thôn 1, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Văn S và bà Lê Thị N; vợ là Nguyễn Thị L và 01 con; bị giam giữ từ ngày 09/6/2021 đến ngày 06/8/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Cao Hùng T, sinh năm 1976 tại: Tư Nghĩa, Quãng Ngãi; HKTT: Thôn 1, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Cao Hùng P (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; vợ là Lê Thị Bích T và 04 con; bị giam giữ từ ngày 09/6/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Võ Ngọc M, sinh năm 1965 tại: Tư Nghĩa, Quảng Ngãi; HKTT: Thôn 1, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Võ S và bà Bùi Thị P (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Ánh N và 04 con; bị giam giữ từ ngày 09/6/2021 đến ngày 30/6/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Thân Trung Đ, sinh năm 1988 tại: Mộ Đức, Quảng Ngãi; HKTT: Thôn 2, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Thân Quang D và bà Phạm Thị Thu S; vợ là Nguyễn Thị Cẩm N và 02 con; bị giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 06/8/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Phan Đình V, sinh năm 1997 tại: An Khê, Gia Lai; HKTT: Thôn Tú Thuỷ 1, xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Phan Văn T và bà Trần Thị N; bị giam giữ từ ngày 09/6/2021 đến ngày 06/8/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1988 tại: Bình Sơn, Quảng Ngãi; HKTT: Thôn 1, xã Nghĩa An, huyện K, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 11/12; tiền án, tiền sự: Không; con ông Huỳnh Ngọc N (đã chết) và bà Lý Thị H; vợ là Phạm Thị Mỹ L và 02 con; bị giam giữ từ ngày 22/6/2021 đến ngày 06/8/2021 bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đình Ng;

Địa chỉ: Thôn Tú Thủy 1, xã Tú An, thị xã A, tỉnh G *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 09/6/2021, Đặng Thanh V đến uống cà phê tại thôn 1, xã Nghĩa An và gặp Võ Ngọc M, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D. V rủ những người này về nhà Cao Hùng T để đánh bạc bằng hình thức sóc đĩa ăn tiền, tất cả đều đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, T về nhà lấy một tấm chiếu cói trải trên nền nhà phòng bếp, trên tấm chiếu trải lớp chăn bằng vải rồi chuẩn bị dụng cụ đánh bạc gồm: 01 đĩa sứ, 01 chén sứ đặt trên chăn vải; lúc này, Đ cũng đến nhà T chơi nên T lấy kéo, lá bài tú lơ khơ của T đưa cho Đ nói Đ cắt ra một số quân vị hình tròn (đường kính từ 2,1 - 2,2 cm) từ lá bài tú lơ khơ để đánh xóc đĩa; Đ đồng ý tham gia và cắt một số quân vị rồi đặt bốn quân vị vào trên mặt đĩa và úp chén lại. Sau đó M, P, V, D đến nhà T và bắt đầu đánh bạc. Quá trình đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, tất cả thống nhất luật chơi là một người sẽ làm nhà cái để xóc đĩa; sau đó, nhận tiền cược từ tất cả người chơi khác rồi trả tiền cho người chơi đặt thắng cược và lấy tiền từ người thua cuộc; những người tham gia đánh bạc còn lại là nhà con thực hiện việc đặt tiền cá cược. Sau khi người làm nhà cái xóc đĩa, nhà con đặt tiền hai bên chẵn, lẻ trên chiếu bạc xong, nhà con tiến hành đặt tiền cược, nhà con đặt cược xong thì nhà cái mở chén cho người chơi xem mặt quân vị trên đĩa nếu: trường hợp có 04 con vị cùng mặt sấp hoặc 04 con vị cùng mặt ngửa hoặc 02 con vị mặt sấp và 02 con vị mặt ngửa thì gọi là chẵn và ai đặt tiền cược bên chẵn thì ăn tiền nhà cái, còn nhà cái ăn tiền đặt bên lẻ; trường hợp có 03 quân vị mặt ngửa, 01 quân vị mặt sấp hoặc 01 quân vị mặt ngửa, 03 quân vị mặt sấp thì gọi là lẻ và ai đặt tiền cược bên lẻ thì ăn tiền nhà cái còn nhà cái ăn tiền đặt bên chẵn. Nếu sau khi xóc đĩa, nhà cái không muốn giữ mà muốn

bán một bên chẵn hoặc một bên lẻ và có nhà con mua một bên chẵn hoặc lẻ thì nếu mở chén ra chẵn nhà con mua chẵn sẽ trả tiền cược đặt bên chẵn, nếu ra lẻ thì ăn tiền cược bên chẵn và ngược lại; bên còn lại nhà cái giữ lại sẽ trả và thắng tiền cược tương tự như trên. Trường hợp nếu nhà cái không giữ hai bên chẵn và lẻ thì nhà con tự so tiền hai bên bằng nhau rồi mở chén, ai đặt bên thắng thì ăn tiền bên còn lại; còn nếu nhà con không cân được tiền hai bên chẵn, lẻ cho bằng nhau thì người chơi tự lấy tiền về rồi chơi ván mới. Đến khoảng 12 giờ 20 phút cùng ngày, khi các đối tượng đang xóc đĩa thì bị Công an huyện Kbang phát hiện, bắt quả tang hành vi đánh bạc của V, M, P và V tại chiếu bạc; các đối tượng khác bỏ chạy trốn.

Quá trình bắt quả tang, Công an huyện Kbang đã tạm giữ các tang vật có liên quan đến hành vi đánh bạc và tổng số tiền đánh bạc là 15.540.000 đồng gồm: số tiền trên chiếu bạc là 1.400.000 đồng (trong đó có tiền xâu), số tiền V sử dụng đánh bạc để trong người là 7.130.000 đồng, số tiền M sử dụng đánh bạc để trong người là 3.100.000 đồng, số tiền V sử dụng đánh bạc để trong người là 3.250.000 đồng, số tiền P sử dụng đánh bạc để trong người là 660.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, T đến Công an huyện Kbang đầu thú và giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc là 200.000 đồng. Đến ngày 22/6/2021, D đến Công an huyện Kbang đầu thú và giao nộp số tiền sử dụng đánh bạc còn lại là 70.000 đồng. Căn cứ chứng cứ tài liệu thu thập được, vào ngày 22/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Kbang đã bắt người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đ, đại diện gia đình Đ đã giao nộp số tiền đánh bạc còn lại của Đ là 220.000 đồng. Qua điều tra, trong quá trình đánh bạc V có để lại 50.000 đồng, V có để lại 100.000 đồng từ tiền đánh bạc để mua nước và thuốc hút (gọi là tiền xâu) nhưng chủ nhà chưa nhận để sử dụng.

Qua trình điều tra xác định: Khi bắt đầu đánh bạc, V mang theo số tiền là 3.000.000 đồng, M mang theo số tiền là 3.100.000 đồng, V mang theo số tiền là 4.630.000 đồng, P mang theo số tiền là 960.000 đồng, T mang theo số tiền là 1.700.000 đồng; Đ mang theo số tiền là 1.420.000 đồng; D mang theo số tiền là 1.370.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên đều được các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, tiền đánh bạc được các đối tượng để trong người khi thua thì lấy tiền ra để trả, khi thắng thì cất tiền vào; người chơi có để lại tiền trên chiếu ngay vị trí ngồi hoặc cầm tiền trên tay để thuận tiện cho việc đặt cược, trả tiền đánh bạc.

Quá trình điều tra đã thu giữ tang vật là tài sản của T, đã được T sử dụng vào mục đích phục vụ việc đánh bạc, gồm: 01 chiếu cói kích thước (2x1,6)m; 01 chăn vải có họa tiết kích thước (1,85x2,1)m; 01 kéo dài 13,1 cm cán bằng nhựa, lưỡi bằng kim loại; 11 quân vị (06 quân vị cắt hình tròn từ lá bài tú lơ khơ đường kính 2,1 cm, 05 quân vị cắt hình tròn từ lá bài tú lơ khơ đường kính 2,2 cm); 01 chén sứ màu trắng cao 05 cm đường kính miệng chén 11,5 cm; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính mặt đĩa lớn nhất 18 cm; 01 hộp giấy kích thước (18,4x10,4)cm.

Tại Bản cáo trạng số: 25/CT-VKS ngày 24/8/2021, VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã truy tố Đặng Thanh V, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Võ Ngọc M, Thân Trung Đ, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D về tội: *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 *(gọi tắt là BLHS)*.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như Bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố Đặng Thanh V, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Võ Ngọc M, Thân Trung Đ, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D phạm tội: *"Đánh bạc"*. Đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 58 và Điều 54 của BLHS để xử phạt bị cáo T từ 04 đến 05 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58 và 65 của BLHS để xử phạt bị cáo P từ 07 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58 và 65 của BLHS để xử phạt bị cáo V từ 07 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng; xử phạt bị cáo M và bị cáo Đ mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 16 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 58 và 36 của BLHS đối với bị cáo V và D; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo D để xử phạt bị cáo V và bị cáo D mỗi bị cáo từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo V và bị cáo D.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng không còn giá trị sử dụng là 02 cái ví da: 01 cái màu nâu, 01 cái màu đen; 01 chiếu cói, 01 cái chăn bằng vải, 01 chiếc kéo học sinh, 11 quân vị, 01 cái chén bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 hộp giấy catton.

Đề nghị tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 16.030.000 đồng.

Đề nghị trả:

- Xe mô tô biển số 81H1-237.23 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo cho bị cáo P.
- Xe mô tô biển số 81N2-1654 cho ông Phan Đình Nghiệp.
- Xe mô tô biển số đăng ký 81B1-232.11 cho bị cáo D.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng cho bị cáo V.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cho bị cáo M.
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím bấm số cho bị cáo V.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã nêu, không tranh luận gì với đại diện Viện Kiểm sát và xin khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang, Điều tra viên, VKSND huyện Kbang, KSV trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, các bị cáo Đặng Thanh V, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Võ Văn M, Thân Trung Đ, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D đã khai nhận phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Kbang và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, qua đó có đủ cơ sở để xác định rằng:

Vào sáng ngày 09/6/2021, V rủ M, P, T, V và D về nhà T để đánh bạc ăn tiền bằng hình thức xóc đĩa. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, có thêm Đ đến tham gia đánh bạc. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc 07 bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Kbang phát hiện bắt quả tang V, M, P và V cùng tiền và tang vật; T, Đ và D bỏ chạy khỏi hiện trường. Quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.030.000 đồng, trong đó của V là 3.000.000 đồng, M là 3.100.000 đồng, V là 4.630.000 đồng, P là 960.000 đồng, T là 1.700.000 đồng, Đ là 1.420.000 đồng và D là 1.370.000 đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội: *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS như truy tố của VKSND huyện Kbang là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, nếp sống văn M của xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân và là một tệ nạn xã hội dễ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng của các tệ nạn khác nếu không được ngăn chặn kịp thời. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và làm chủ được hành vi của mình, các bị cáo biết được việc đánh bạc bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy rằng: Các bị cáo phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, trong đó, bị cáo V là người khởi xướng, rủ các bị cáo khác cùng đánh bạc; bị cáo T sử dụng nhà mình làm địa điểm đánh bạc và cung cấp các công cụ để đánh bạc; các bị cáo M, P, Đ, V và D là đồng phạm thực hành.

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo P trước đó đã bị TAND thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt 15 tháng 09 ngày cải tạo không giam giữ về tội: *"Gây rối trật tự công cộng"* theo Bản án số: 10/2013/HSST ngày 04/4/2013, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Các bị cáo M và Đ trước đó đã bị Công an thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, mỗi người là 1.500.000

đồng; ngày 02/5/2018, hai bị cáo đã chấp hành nộp phạt xong; các bị cáo còn lại của vụ án có nhân thân tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo V, M, T, Đ, V và D phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Bị cáo T và bị cáo D đã ra đầu thú; các bị cáo V, M, Đ và P có hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn; bị cáo P có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Qua xem xét nhân thân của các bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo, HĐXX thấy rằng: Bị cáo T đã sử dụng nhà mình làm địa điểm đánh bạc và cung cấp các công cụ để cùng các bị cáo khác đánh bạc; đến thời điểm xét xử, bị cáo đã bị giam giữ 03 tháng 28 ngày; bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 của BLHS để cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS là hợp tình, hợp lý và đúng pháp luật,

Các bị cáo còn lại của vụ án đều có nơi cư trú rõ ràng, quá trình sinh sống tại địa p luôn chấp hành đầy đủ chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghĩa vụ công dân nơi cư trú; các bị cáo M, V, Đ, V và D phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo P mặc dù đã bị một lần kết án cải tạo không giam giữ nhưng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích, tính chất và mức độ ở lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 01 tình tiết thuộc khoản 1 Điều 51 BLHS. Vì vậy, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo được cải tạo tại cộng đồng để trở thành người lương thiện, HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo nói trên ra ngoài xã hội mà cần chấp nhận đề nghị của VKSND huyện Kbang, áp dụng Điều 65 của BLHS cho các bị cáo P, V, M và Đ được hưởng án treo, có thời gian thử thách; áp dụng Điều 36 của BLHS cho bị cáo V và bị cáo D được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ là đã đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung; trong đó, để phân hóa trách nhiệm hình sự thì mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo P và V phải cao hơn các bị cáo V và M là thỏa đáng.

Xét các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình gặp nhiều khó khăn nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo V và bị cáo D.

[4]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các vật chứng không được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội thì cần trả lại cho các chủ sở hữu, gồm:

- Trả lại ông Phan Đình Nghiệp xe mô tô biển số đăng ký 81N2-1654, nhãn hiệu: Yamaha.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn P xe mô tô biển số đăng ký 81H1-237.23, nhãn hiệu: Yamaha và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

- Trả lại bị cáo Huỳnh Ngọc D xe mô tô biển số đăng ký 81B1-232.11, nhãn hiệu: Loncin.

- Trả lại bị cáo Đặng Thanh V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng.

- Trả lại bị cáo Võ Ngọc M 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone.

- Trả lại bị cáo Phan Đình V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím bấm số.

Đối với các vật chứng được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy, gồm:

- 02 cái ví da: 01 cái màu nâu, 01 cái màu đen.

- 01 chiếu cói, 01 cái chăn bằng vải, 01 chiếc kéo học sinh, 11 quân vị, 01 cái chén bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 hộp giấy catton.

Đối với số tiền được các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 16.030.000 đồng, cần tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[5]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Đặng Thanh V, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Võ Ngọc M, Thân Trung Đ, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D phạm tội*: "Đánh bạc"*.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 58 và Điều 54 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Cao Hùng T 04 *(bốn)* tháng tù, thời hạn từ tính từ ngày bị cáo bị giam giữ (ngày 09/6/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58 và 65 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/10/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 58 và Điều 65 của BLHS;

Xử phạt bị cáo Đặng Thanh V 07 *(bảy)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 *(mười bốn)* tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/10/2021).

Xử phạt bị cáo Võ Ngọc M 06 *(sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/10/2021).

Xử phạt bị cáo Thân Trung Đ 06 *(sáu)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 *(mười hai)* tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 07/10/2021).

Giao các bị cáo V, P, M và Đ cho Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 58 và 36 của BLHS đối với các bị cáo V và D; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của BLHS đối với bị cáo D;

Xử phạt bị cáo Phan Đình V 07 *(bảy)* tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án nhưng được khấu trừ 57 ngày bị cáo đã bị giam giữ tương ứng với 171 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 01 *(một)* tháng 09 *(chín)* ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc D 07 *(bảy)* tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án nhưng được khấu trừ 44 ngày bị cáo đã bị tạm giữ tương ứng với 132 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành 02 *(hai)* tháng 18 *(mười tám)* ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo V cho UBND xã Tú An, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai và bị cáo D cho UBND xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Hai bị cáo phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo V và bị cáo D.

- Áp dụng Điều 48 của BLHS và Điều 106 của BLTTHS;

Tuyên trả lại cho ông Phan Đình Nghiệp xe mô tô biển số đăng ký 81N2-1654, nhãn hiệu: Yamaha

Tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn P xe mô tô biển số đăng ký 81H1-237.23, nhãn hiệu: Yamaha và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

Tuyên trả lại cho bị cáo Huỳnh Ngọc D xe mô tô biển số đăng ký 81B1-232.11, nhãn hiệu: Loncin.

Tuyên trả lại cho bị cáo Đặng Thanh V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng.

Tuyên trả lại cho bị cáo Võ Ngọc M 01 điện thoại di động loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone.

Tuyên trả lại cho bị cáo Phan Đình V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia bàn phím bấm số.

- Áp dụng khoản 1 Điều 47 của BLHS và khoản 2 Điều 106 của BLTTHS;

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 16.030.000 đồng *(mười sáu triệu không trăm ba mươi ngàn đồng*);

Tuyên tịch thu tiêu hủy đối với 02 cái ví da: 01 cái màu nâu, 01 cái màu đen; 01 chiếu cói, 01 cái chăn bằng vải, 01 chiếc kéo học sinh, 11 quân vị, 01 cái chén bằng sứ, 01 cái đĩa bằng sứ và 01 hộp giấy catton.

(đặc điểm cụ thể của các vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/9/2021 giữa Công an huyện Kbang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang,)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Đặng Thanh V, Nguyễn Văn P, Cao Hùng T, Võ Ngọc M, Thân Trung Đ, Phan Đình V và Huỳnh Ngọc D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo đề nghị TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn và quyền kháng cáo nêu trên đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được tính từ ngày người đó nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-Công an huyện;
-Các bị cáo;
-Người có QL,NVLQ;
-Chi cục THADS huyện
(khi án có HLPL);
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN-CTPT**